TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHIÊM HOÁ** **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 170/2023/QĐST-HNGĐ	*Chiêm Hoá, ngày 29 tháng 9 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212, 213 và Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 357, 468 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ vào các Điều 33, 34, 38, 40, 59, 62 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội *quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án*;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 21 tháng 9 năm 2023 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 311/2022/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 12 năm 2022.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội Dng thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Hà Phúc Tuấn M nhất trí bằng văn bản về sự thỏa thuận đã được lập tại biên bản hòa giải thành ngày 21/9/2023, không có thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, giữa:

* Nguyên đơn: Chị Hà Thị N, sinh năm 1978

* Bị đơn: Anh Hà Phúc D, sinh năm 1977.

* Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Anh Hà Phúc Tuấn M, sinh năm 2002.

Cùng địa chỉ: Thôn LL, xã XQ, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về phân chia tài sản chung sau khi ly hôn: Chị Hà Thị N và anh Hà Phúc D cùng tự nguyện, thống nhất thỏa thuận nội Dng sau:

+ Chị Hà Thị N được quyền sử dụng diện tích đất 276,5m^2, đất trồng cây lâu năm là một phần của thửa đất số 01, tờ trích đo số 185; địa chỉ thửa đất: Thôn LL, xã XQ, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang, đã được UBND huyện Chiêm Hóa cấp ngày 25/9/2012 cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BĐ964188, chủ sử dụng đất hộ

ông Hà Phúc D, sinh năm 1977 và bà Hoàng Thị N, sinh năm 1978, giá trị 9.677.500 đồng và tài sản gắn liền trên đất.

Diện tích đất chị N được quyền sử dụng quy định là thửa đất số 02 theo Sơ đồ trích đo hiện trạng diện tích thửa đất tranh chấp giữa ông Hà Phúc D và bà Hoàng Thị N (*Do Trung tâm điều tra quy hoạch – thiết kế Nông lâm nghiệp thuộc Sở nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh Tuyên Quang đo đạc*) và được xác định bởi các điểm nối liền khép kín: 2a-3-4-5-5a-2a. *Có sơ đồ kèm theo không tách rời quyết định.*

+ Anh Hà Phúc D được quyền sử dụng diện tích đất 704,7m^2 *(trong đó đất ở 100m^2, đất trồng cây lâu năm 604,7m^2)* là một phần của thửa đất số 01, tờ trích đo số 185; địa chỉ thửa đất: Thôn LL, xã XQ, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang, đã được UBND huyện Chiêm Hóa cấp ngày 25/9/2012 cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BĐ964188, chủ sử dụng đất hộ ông Hà Phúc D, sinh năm 1977 và bà Hoàng Thị N, sinh năm 1978, giá trị 33.164.500 đồng và tài sản gắn liền trên đất.

Diện tích đất anh D được quyền sử dụng quy định là thửa đất số 01 theo Sơ đồ trích đo hiện trạng diện tích thửa đất tranh chấp giữa ông Hà Phúc D và bà Hoàng Thị N (*Do Trung tâm điều tra quy hoạch – thiết kế Nông lâm nghiệp thuộc Sở nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh Tuyên Quang đo đạc*) và được xác định bởi các điểm nối liền khép kín: 1-2-2a-5a-6-7-8-9-1. *Có sơ đồ kèm theo không tách rời quyết định.*

2.2. Bà Hà Thị N, anh Hà Phúc D và anh Hà Phúc Tuấn M tự nguyện thỏa thuận:

Chị Hà Thị N tự nguyện tặng quyền sử dụng đất quyền sử dụng diện tích đất 276,5m^2, loại đất trồng cây lâu năm, là một phần của thửa đất số 01, tờ trích đo số 185; địa chỉ thửa đất: Thôn LL, xã XQ, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang, đã được UBND huyện Chiêm Hóa cấp ngày 25/9/2012 cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BĐ964188, chủ sử dụng đất hộ ông Hà Phúc D, sinh năm 1977 và bà Hoàng Thị N, sinh năm 1978 và tài sản gắn liền trên đất cho anh Hà Phúc Tuấn M, sinh ngày 03/11/2002, số Căn cước công dân 008202007466, địa chỉ: Thôn LL, xã XQ, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang.

Diện tích đất anh M được quyền sử dụng quy định là thửa đất số 02 theo Sơ đồ trích đo hiện trạng diện tích thửa đất tranh chấp giữa ông Hà Phúc D và bà Hoàng Thị N (*Do Trung tâm điều tra quy hoạch – thiết kế Nông lâm nghiệp thuộc Sở nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh Tuyên Quang đo đạc*) và được xác định bởi các điểm nối liền khép kín: 2a-3-4-5-5a-2a. Có sơ đồ kèm theo không tách rời quyết định.

Chị Hà Thị N, anh Hà Phúc D, anh Hà Phúc Tuấn M có nghĩa vụ kê khai, đăng ký cấp quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

2.3. Về chi phí tố tụng:

Quá trình giải quyết vụ án, ngày 26/4/2023 chị Hà Thị N đã nộp tiền tạm ứng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 10.000.000 đồng. Về chi phí đo đạc, xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản tổng là 3.955.000 đồng, cụ thể: Chi phi đo đạc là 2.355.000 đồng; Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 1.600.000 đồng. Chị Hà Thị N và anh Hà Phúc D cùng thống nhất thỏa thuận: Chị Hà Thị N có nghĩa vụ chịu 100% chi phí tố tụng khác là 3.955.000 đồng. Anh Hà Phúc D không phải chịu chi phí tố tụng khác.

Ngày 21/9/2023, Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hóa đã trả lại số tiền tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, chi phí đo đạc, định giá còn lại cho chị Hà Thị N số tiền là 6.045.000 đồng.

2.4. Về án phí:

Chị Hà Thị N phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch 241.900 đồng *(làm tròn số)* được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.184.500 đồng theo biên lai số AA/2021/0006056 ngày 07 tháng 12 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang. Hoàn trả cho chị N số tiền chênh lệch là 2.942.600 đồng.

Anh Hà Phúc D phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch 829.000 đồng.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chậm trả còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Chiêm Hóa;
- UBND xã XQ, huyện Chiêm Hóa, Tỉnh Tuyên Quang.
- Chi cục THADS huyện Chiêm Hóa;
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- Lưu.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Lâm Hạnh Quỳnh